

TRAT (21)

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1598/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 19 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Kế hoạch, chính sách và giải pháp thực hiện Quy hoạch bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Ngày: 23/12/2024

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương; ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về việc tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch; Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản; Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 389/QĐ-TTg ngày 09 tháng 5 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch, chính sách và giải pháp thực hiện Quy hoạch bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố thuộc trung ương và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trụ lý TTg, TGD Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, NN (2). Khánh 400





THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH, CHÍNH SÁCH VÀ GIẢI PHÁP

Thực hiện Quy hoạch bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản
thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

(Kèm theo Quyết định số 1598/QĐ-TTg

Ngày 19 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Triển khai có hiệu quả Quyết định số 389/QĐ-TTg ngày 09 tháng 5 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (sau đây viết tắt là "Quy hoạch").

- Định hướng cho các bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong việc phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để thực hiện Quy hoạch.

- Xây dựng lộ trình, tổ chức thực hiện nhằm bảo đảm các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Quy hoạch theo từng giai đoạn từ nay đến năm 2030; xác định phương thức, nguồn lực, cơ chế phối hợp giữa các bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong triển khai thực hiện.

2. Yêu cầu

- Bám sát mục tiêu, định hướng của Quy hoạch, cụ thể hoá các nhiệm vụ được giao tại quyết định số 389/QĐ-TTg ngày 09 tháng 5 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ; xác định tiến độ các dự án, trong đó ưu tiên xây dựng chính sách, pháp luật về bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản; huy động các nguồn lực và sự tham gia của các thành phần kinh tế để bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản.

- Bảo đảm theo hướng tăng quy mô diện tích các khu bảo tồn biển, khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản, khu cư trú nhân tạo cho loài thủy sản biển; kết hợp việc điều chỉnh số lượng tàu khai thác phù hợp với nguồn lợi thủy sản; giảm cường lực khai thác; kết hợp chuyển đổi nghề, ngư cụ khai thác thủy sản ảnh hưởng lớn đến môi trường, hệ sinh thái sang các nghề thân thiện với môi trường và nguồn lợi thủy sản.

- Bảo đảm sử dụng nguồn vốn hiệu quả, tiến độ, chất lượng các dự án trên cơ sở thống nhất phù hợp với các nhiệm vụ, dự án của các ngành, địa phương và bảo đảm an ninh, quốc phòng.

- Phù hợp với khả năng huy động nguồn lực của quốc gia, của ngành và nguồn lực ngoài ngân sách giai đoạn 2021 - 2030, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025, 2026 - 2030; phù hợp với định hướng phát triển của ngành, đất nước.

II. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN

1. Dự án đầu tư công

- Căn cứ mức vốn được giao trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và 2026 - 2030 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các địa phương, tổ chức thực hiện các dự án ưu tiên đầu tư giai đoạn 2021 - 2025 và 2026 - 2030 của Quy hoạch.

- Tiến độ, quy mô đầu tư các dự án ưu tiên trong Kế hoạch là dự kiến, tiến độ, quy mô cụ thể sẽ được xác định và phê duyệt trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư của các dự án.

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các địa phương chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan tiếp tục thực hiện đầu tư các dự án đã xác định nguồn vốn trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025; các dự án dự kiến đầu tư trong giai đoạn 2026 - 2030 từ nguồn vốn đầu tư công, trong đó, ưu tiên bố trí vốn cho các dự án thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về đầu tư công; ưu tiên thực hiện các dự án giai đoạn trước còn dở dang, chưa đồng bộ để phát huy hiệu quả, cụ thể:

+ Đối với dự án đầu tư cơ sở hạ tầng cho các khu bảo tồn biển, thứ tự ưu tiên đầu tư được xác định như sau: (1) đầu tư tại các khu bảo tồn biển được “chuyển tiếp” tại Quy hoạch; (2) đầu tư tại các khu bảo tồn biển cấp Quốc gia thành lập mới theo Quy hoạch; (3) đầu tư tại các khu bảo tồn biển cấp tỉnh thành lập mới theo Quy hoạch.

+ Đối với các dự án đầu tư hình thành khu cư trú nhân tạo cho các loài thủy sản ở biển, thứ tự ưu tiên đầu tư được xác định như sau: (1) đầu tư tại khu vực ở vùng biển ven bờ nhằm ngăn chặn hoạt động của các tàu lưới kéo; (2) đầu tư tại các khu vực còn lại theo Quy hoạch.

+ Đối với các dự án đầu tư thực hiện nội dung quy hoạch về khai thác thủy sản thời kỳ 2021 - 2030: Thực hiện theo quy định đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Trường hợp cần thiết đầu tư sớm để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và huy động bố trí được đầy đủ các nguồn lực để thực hiện, cơ quan được giao chủ trì thực hiện dự án đề xuất với cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư xem xét, chấp thuận cho đầu tư giai đoạn sớm hơn so với kế hoạch.

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các địa phương chịu trách nhiệm xem xét việc thực hiện các dự án, nhất là các dự án ưu tiên bảo đảm hiệu quả, khả thi theo đúng quy định và không để xảy ra thất thoát, lãng phí (danh mục các dự án ưu tiên chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

2. Dự án đầu tư sử dụng các nguồn vốn khác ngoài vốn đầu tư công

- Đối với các dự án đầu tư hình thành khu cư trú nhân tạo cho các loài thủy sản ở biển giai đoạn 2021 - 2025, đầu tư tại khu vực biển miền Trung bị ảnh hưởng bởi sự cố môi trường biển năm 2016.

- Các dự án thực hiện nội dung quy hoạch về khai thác thủy sản thời kỳ 2021 - 2030: Thực hiện theo quy định đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Kế hoạch sử dụng đất, mặt nước

- Nhu cầu sử dụng mặt nước đến năm 2030 đã được xác định tại khoản 3, mục III, Điều 1 và các Phụ lục I, II, III, IV, V, VI ban hành kèm theo Quyết định số 389/QĐ-TTg ngày 09 tháng 5 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ.

- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phối hợp với các bộ, ngành rà soát nhu cầu sử dụng đất phục vụ công tác bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản, phân kỳ đầu tư phù hợp với tiêu chí sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 - 2025 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm việc sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả và theo đúng quy định.

4. Xác định các nguồn lực và việc sử dụng nguồn lực để thực hiện quy hoạch

- Ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước để thành lập, đầu tư và quản lý hiệu quả các khu bảo tồn biển, khu vực cư trú nhân tạo cho các loài thủy sản ở biển; nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ; đào tạo nguồn nhân lực; giải quyết các vấn đề cấp bách trong bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản.

- Bố trí nguồn nhân lực bảo đảm thực hiện Quy hoạch và tổ chức quản lý, sử dụng hiệu quả sản phẩm đầu tư công theo Kế hoạch.

- Nguồn lực thực hiện quy hoạch được huy động, bố trí từ nguồn vốn ngân sách nhà nước (nguồn chi thường xuyên và chi đầu tư phát triển), vốn ngoài ngân sách và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định pháp luật về đầu tư công, ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật khác có liên quan. (chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

- Huy động các nguồn xã hội hóa, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tham gia đầu tư, quản lý khu bảo tồn biển, khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản, khu vực cư trú nhân tạo cho loài thủy sản; xây dựng kết cấu hạ tầng, hệ thống thông tin nghề cá; chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ trong khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

5. Hoàn thiện đồng bộ hệ thống các quy hoạch

- rà soát bãi bỏ các quy hoạch về đầu tư phát triển hàng hoá, dịch vụ sản phẩm cụ thể, ấn định khối lượng, số lượng sản phẩm được sản xuất, tiêu thụ có liên quan đến lĩnh vực thủy sản và các quy hoạch không còn phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật.

- Thông báo công khai danh mục các quy hoạch được tích hợp vào quy hoạch hết hiệu lực theo quy định tại Điều 59 của Luật Quy hoạch (nếu có).

- Lập danh mục các quy hoạch thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có liên quan đến lĩnh vực thủy sản hết hiệu lực.

III. CHÍNH SÁCH, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Thu hút đầu tư phát triển theo quy hoạch đã được phê duyệt

- Xây dựng chương trình xúc tiến đầu tư hạ tầng, phát triển các khu bảo tồn biển, các khu cư trú nhân tạo cho loài thủy sản ở biển,... đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính hỗ trợ nhà đầu tư, cải thiện môi trường đầu tư; hỗ trợ các nhà đầu tư tiếp cận các chính sách hỗ trợ đầu tư theo các chính sách ưu đãi đầu tư hiện hành.

- Các tổ chức, cá nhân đầu tư vào lĩnh vực bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản, đầu tư xây dựng các khu bảo tồn biển, các khu vực cư trú nhân tạo cho loài thủy sản ở biển... được hưởng các ưu đãi về đầu tư và tài chính theo các quy định hiện hành.

2. Phát triển nguồn nhân lực

- Đào tạo, bồi dưỡng, bổ sung nguồn nhân lực cho cơ quan quản lý chuyên ngành thủy sản từ cấp trung ương đến địa phương trong lĩnh vực bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản.

- Đầu tư, nâng cao năng lực về nghiên cứu khoa học, công nghệ và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, có chuyên môn sâu trong lĩnh vực bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản cho các viện nghiên cứu, trường đào tạo và các tổ chức, đơn vị có liên quan.

- Đào tạo, nâng cao năng lực cho ngư dân, phát triển nguồn nhân lực tham gia khai thác thủy sản có trách nhiệm tại các địa phương ven biển.

3. Phát triển khoa học và công nghệ

- Xây dựng các định mức kinh tế kỹ thuật cho việc đầu tư hình thành mới hoặc điều chỉnh diện tích khu bảo tồn biển; khu vực cư trú nhân tạo cho loài thủy sản ở biển.

- Xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật về các nghề khai thác thủy sản làm cơ sở để chuyển đổi các nghề khai thác thủy sản ảnh hưởng đến nguồn lợi và môi trường sống của các loài thủy sản.

- Nghiên cứu, bảo tồn và phát triển các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm; loài thủy sản đặc hữu; loài thủy sản có giá trị kinh tế và các hệ sinh thái biển đặc thù.

- Tăng cường nghiên cứu, ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số, trí tuệ nhân tạo trong quản lý các hoạt động bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản.

- Tổ chức xây dựng cơ sở hạ tầng dữ liệu số, bản đồ số các hoạt động bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản.

4. Bảo đảm an sinh xã hội

- Nghiên cứu, xây dựng các cơ chế, chính sách đặc thù đối với người dân trong việc chuyển đổi nghề khai thác thủy sản; người dân bị ảnh hưởng khi điều chỉnh ranh giới, diện tích, thành lập mới khu bảo tồn biển; hỗ trợ ngư dân khi gặp rủi ro trên biển.

- Khuyến khích các doanh nghiệp, tổ chức cá nhân tham gia vào các hoạt động góp phần đảm bảo an sinh xã hội đối với lĩnh vực bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản.

5. Bảo vệ môi trường

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát các hoạt động khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản; các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng khu bảo tồn biển, đầu tư hình thành khu vực cư trú nhân tạo cho các loài thủy sản ở biển; các dự án điều chỉnh ranh giới, diện tích và thành lập mới các khu bảo tồn biển, bảo đảm tuân thủ quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Giám sát, dự báo môi trường sống của các loài thủy sản; kịp thời phát hiện, xử lý ô nhiễm, suy thoái môi trường trên các thủy vực vùng nội địa và vùng biển.

6. Bảo đảm nguồn lực tài chính

- Cân đối nguồn tài chính phù hợp theo quy định pháp luật để đáp ứng nhu cầu về vốn đầu tư theo quy hoạch. Thường xuyên rà soát, đánh giá thực tế nhu cầu đề xuất, điều chỉnh hợp lý, đảm bảo đầu tư tập trung, có trọng tâm, trọng điểm phù hợp với khả năng bố trí nguồn lực.

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư phối hợp chặt chẽ trong việc cân đối, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét việc bố trí, sử dụng ngân sách hàng năm để thực hiện các nội dung theo Quy hoạch theo quy định pháp luật về đầu tư công, ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật khác có liên quan.

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với các địa phương và cơ quan liên quan vận động, thu hút các nguồn vốn ngoài ngân sách để tham gia đầu tư các dự án ưu tiên theo Quy hoạch được duyệt.

- Tăng cường trao đổi với các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ nhằm tìm kiếm nguồn vốn hỗ trợ cho các chương trình phát triển bền vững trong bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản.

7. Bảo đảm quốc phòng, an ninh

Các dự án thuộc Quy hoạch bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản phải kết hợp chặt chẽ với bảo đảm quốc phòng, an ninh không ảnh hưởng đến nhiệm vụ quân sự, quốc phòng; ưu tiên triển khai tại các đảo, quần đảo có vị trí chiến lược, quan trọng; đẩy mạnh tổ chức sản xuất theo tổ đội sản xuất trên biển kết hợp với mô hình dân quân tự vệ trên biển, tăng cường tuyên truyền, giáo dục về chính sách, pháp luật của Nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản cho các doanh nghiệp và người dân, bảo đảm việc khai thác thủy sản trên biển gắn bảo vệ chủ quyền biển đảo, bảo đảm nguồn lực tài chính đầu tư trong thời kỳ quy hoạch.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Tổ chức công bố, phổ biến rộng rãi thông tin về Quy hoạch, Kế hoạch đến các bộ, ngành, các cấp chính quyền địa phương và người dân biết, thực hiện; xây dựng bộ chỉ số giám sát, đánh giá thực hiện Quy hoạch, Kế hoạch phục vụ công tác giám sát, đánh giá hiệu quả Quy hoạch; tổ chức hội nghị, hội thảo hướng dẫn, sơ kết, tổng kết đánh giá tình hình thực hiện Quy hoạch, Kế hoạch.

- Chủ trì rà soát các quy định pháp luật chuyên ngành, phối hợp với các cơ quan có liên quan nghiên cứu, đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc (nếu có), tạo điều kiện thuận lợi trong đầu tư dự án ưu tiên; tiếp tục hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật trong lĩnh vực bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản.

- Phối hợp các bộ, ngành, các địa phương, các tổ chức quốc tế nghiên cứu, huy động các nguồn lực phù hợp để thực hiện quy hoạch.

- Nghiên cứu cơ chế, chính sách đột phá trong huy động nguồn lực tổ chức thực hiện Quy hoạch.

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành tổ chức thực hiện Kế hoạch; kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện Quy hoạch, Kế hoạch theo định kỳ hàng năm, 05 năm hoặc đột xuất theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

- Chủ trì xây dựng danh mục các dự án sử dụng nguồn ngân sách trung ương trong kế hoạch đầu tư công trung hạn cho các nhiệm vụ, dự án theo phân cấp và Quy hoạch được phê duyệt đảm bảo đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công, quy hoạch và phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, phân bổ vốn từ nguồn ngân sách trung ương trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm.

- Tổ chức thực hiện đào tạo, phát triển nguồn nhân lực thủy sản phù hợp với thực tế phát triển của ngành; chương trình quan trắc môi trường sống của các loài thủy sản phục vụ mục đích khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản;

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả các Chương trình, Đề án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, bao gồm: Chương trình bảo tồn và sử dụng bền vững nguồn gen đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Đề án Phòng, chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định đến năm 2025; Chương trình quốc gia phát triển khai thác thủy sản hiệu quả, bền vững giai đoạn 2022 - 2025, định hướng 2030; Chương trình điều tra, đánh giá tổng thể nguồn lợi thủy sản và môi trường sống của loài thủy sản trên phạm vi cả nước định kỳ 05 năm đến năm 2030; Đề án chuyển đổi một số nghề khai thác hải sản ảnh hưởng đến nguồn lợi và môi trường sinh thái; Đề án nâng cao năng lực quản lý nhà nước về thủy sản; Chương trình quốc gia Bảo vệ và Phát triển nguồn lợi thủy sản đến năm 2030 nhằm bảo đảm đạt được mục tiêu của Quy hoạch.

- Phối hợp với các bộ, ngành và các địa phương rà soát nhu cầu sử dụng đất, phân kỳ đầu tư phù hợp theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí các nguồn vốn cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các địa phương thực hiện các dự án đầu tư công theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật về ngân sách nhà nước.

- Phối hợp kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với việc thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội 10 năm 2021-2030, Quy hoạch tổng thể quốc gia, các kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội từng ngành và địa phương.

3. Bộ Tài chính

Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách trung ương, trên cơ sở đề xuất của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các bộ, ngành và địa phương có liên quan, Bộ Tài chính chủ trì, tổng hợp báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí nguồn vốn theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn để thực hiện có hiệu quả các mục tiêu và nội dung của Quy hoạch.

4. Bộ Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn các địa phương lập phương án, kế hoạch sử dụng đất, mặt nước, bảo tồn đa dạng sinh học, thực hiện có hiệu quả các nội dung quy hoạch; xây dựng các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất thải đối với các cơ sở nuôi trồng thủy sản phù hợp với tính đặc thù của ngành, đảm bảo sự phát triển bền vững.

- Phối hợp kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch đảm bảo quá trình thực hiện phù hợp với quy hoạch của các ngành, địa phương.

5. Bộ Khoa học và Công nghệ

- Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng và triển khai kế hoạch về hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định phục vụ quản lý nhà nước và phát triển bảo vệ, khai thác nguồn lợi thủy sản.

- Tổ chức thẩm định, công bố tiêu chuẩn quốc gia; thẩm định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lĩnh vực bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản theo pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

- Triển khai các giải pháp tăng cường nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ trong bảo vệ, tái tạo, phát triển nguồn lợi thủy sản và khai thác, bảo quản sản phẩm thủy sản theo định hướng của Quy hoạch; bảo vệ và phát triển các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm, loài thủy sản bản địa.

6. Bộ Công Thương

Chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai các chính sách, giải pháp thúc đẩy, phát triển, mở rộng thị trường, xúc tiến thương mại, giải quyết rào cản thương mại (nếu có) cho sản phẩm thủy sản khai thác.

7. Bộ Quốc phòng

Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành địa phương thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ, quản lý, thực thi pháp luật trên các vùng biển, đảo, tạo điều kiện thuận lợi cho triển khai các chương trình, dự án bảo tồn, bảo vệ, khai thác thủy sản, thực hiện nhiệm vụ tìm kiếm cứu nạn, ngăn chặn tàu cá, ngư dân khai thác thủy sản bất hợp pháp ở vùng biển nước ngoài.

8. Bộ Công an

Quản lý nhà nước về an ninh, trật tự an toàn xã hội, tổ chức phòng ngừa, đấu tranh, xử lý vi phạm pháp luật trên lĩnh vực thủy sản nói chung, trong đó có hoạt động khai thác, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản; bảo đảm an ninh kinh tế, an ninh chủ quyền biển đảo và lợi ích quốc gia.

9. Bộ Ngoại giao

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan tham mưu cho Chính phủ phương án đàm phán với các quốc gia có vùng biển chồng lấn, chưa phân định để xác định ranh giới khai thác thủy sản hợp pháp của tàu cá Việt Nam; kịp thời trao đổi với cơ quan chức năng trong nước để xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật. Đồng thời, tiếp tục tăng cường công tác bảo hộ công dân đối với các ngư dân bị nước ngoài bắt giữ, xử lý.

- Chủ động phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong việc nghiên cứu, đề xuất và triển khai ký kết, gia nhập và thực hiện Điều ước quốc tế về hợp tác nghề cá; cung cấp thông tin liên quan đến việc ban hành các công ước, Hiệp ước quốc tế về quản lý nghề cá trong lĩnh vực khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản của khu vực và trên thế giới; phối hợp xử lý các vấn đề liên quan đến khai thác thủy sản.

10. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

- Tổ chức thực hiện Kế hoạch trên địa bàn tỉnh; tuyên truyền, phổ biến rộng rãi nội dung Quy hoạch, Kế hoạch; tổ chức hội nghị, hội thảo sơ kết, tổng kết đánh giá tình hình thực hiện nội dung Quy hoạch, Kế hoạch trên địa bàn tỉnh; giám sát, đánh giá tình hình thực hiện Quy hoạch theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Tổ chức quản lý khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản, khu vực cấm khai thác thủy sản có thời hạn theo quy định tại Luật Thủy sản.

- Xây dựng lộ trình điều chỉnh cơ cấu nghề khai thác thủy sản, giám số lượng tàu cá tại mỗi tỉnh theo Quy hoạch.

- Chủ động xây dựng kế hoạch huy động nguồn lực (ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác), trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh bố trí vốn ngân sách địa phương trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm; và nguồn vốn sự nghiệp để triển khai các nhiệm vụ, dự án trên địa bàn, thực hiện Quy hoạch và Kế hoạch theo phân cấp, đúng quy định của pháp luật về quy hoạch, đầu tư công, ngân sách nhà nước, xây dựng và pháp luật khác có liên quan, bảo đảm đầu tư đồng bộ, khép kín, phát huy hiệu quả.

- Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành kế hoạch sử dụng đất phục vụ công tác bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản.

11. Các Hội, Hiệp hội ngành hàng trong ngành thủy sản

- Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các tỉnh tuyên truyền, phổ biến cho cộng đồng doanh nghiệp, ngư dân về nội dung và kế hoạch thực hiện Quy hoạch.

- Tham gia xây dựng thương hiệu sản phẩm thủy sản, hoạt động xúc tiến thương mại, đào tạo nghề, tập huấn cho ngư dân phát triển sinh kế, chuyển đổi nghề phù hợp; tổ chức sản xuất thủy sản theo chuỗi giá trị, có trách nhiệm, chất lượng, hiệu quả và bền vững.



Phụ lục
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN VÀ PHÂN KỲ THỰC HIỆN QUY HOẠCH

Kế hoạch tại Quyết định số 1598/QĐ-TTg ngày 19 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên Dự án	Đơn vị chủ trì	Phân kỳ đầu tư		Nguồn vốn ngân sách địa phương		Nguồn vốn hợp pháp khác
			2021 - 2025	2026 - 2030	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	
1	Nhóm dự án điều chỉnh ranh giới, diện tích khu bảo tồn biển, bao gồm:						
1.1	Dự án điều chỉnh ranh giới, diện tích khu bảo tồn biển Bạch Long Vỹ	Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng	X	X	X		X
1.2	Dự án điều chỉnh ranh giới, diện tích khu bảo tồn biển Côn Cỏ	Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị	X	X	X		X
1.3	Dự án điều chỉnh ranh giới, diện tích khu bảo tồn biển Cù Lao Chàm	Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam	X	X	X		X
1.4	Dự án điều chỉnh ranh giới, diện tích khu bảo tồn biển Lý Sơn	Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi	X	X	X		X
1.5	Dự án điều chỉnh ranh giới, diện tích khu bảo tồn biển Hòn Cau	Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận	X		X		X
1.6	Dự án điều chỉnh ranh giới, diện tích khu bảo tồn biển Phú Quốc	Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang	X	X	X		X

TT	Tên Dự án	Đơn vị chủ trì	Phân kỳ đầu tư		Nguồn vốn ngân sách địa phương		Nguồn vốn hợp pháp khác
			2021 - 2025	2026 - 2030	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	
2	Nhóm dự án thành lập mới khu bảo tồn biển, bao gồm:						
2.1	Dự án thành lập mới khu bảo tồn biển Cô Tô - Đảo Trần	Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh	X		X		X
2.2	Dự án thành lập mới khu bảo tồn biển Bái Tử Long			X	X		X
2.3	Dự án thành lập mới khu bảo tồn biển Vịnh Hạ Long			X			X
2.4	Dự án thành lập mới khu bảo tồn biển Cát Bà - Long Châu	Ủy ban nhân dân TP Hải Phòng	X		X		X
2.5	Dự án thành lập mới khu bảo tồn biển gò đồi ngầm Quảng Bình	Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình		X	X		X
2.6	Dự án thành lập mới khu bảo tồn biển Vịnh Nha Trang	Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa		X	X		X
2.7	Dự án thành lập mới khu bảo tồn biển Nam Yết			X	X		
2.8	Dự án thành lập mới khu bảo tồn biển Song Tử			X	X		
2.9	Dự án thành lập mới khu bảo tồn biển Thuyền Chài			X	X		

TT	Tên Dự án	Đơn vị chủ trì	Phân kỳ đầu tư		Nguồn vốn ngân sách địa phương		Nguồn vốn hợp pháp khác
			2021 - 2025	2026 - 2030	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	
2.10	Dự án thành lập mới khu bảo tồn biển Núi Chúa	Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận		X	X		X
2.11	Dự án thành lập mới khu bảo tồn biển Côn Đảo	Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu		X	X		X
2.12	Dự án thành lập mới khu bảo tồn biển Hòn Ngư - Đảo Mắt	Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An		X	X		X
2.13	Dự án thành lập mới khu bảo tồn biển Bắc Hải Vân - Sơn Chà	Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế		X	X		X
2.14	Dự án thành lập mới khu bảo tồn biển Sơn Trà	Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng		X	X		X
2.15	Dự án thành lập mới khu bảo tồn biển Vịnh Quy Nhơn	Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định		X	X		X
2.16	Dự án thành lập mới khu bảo tồn biển Vũng Rô	Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên		X	X		X
2.17	Dự án thành lập mới khu bảo tồn biển Phú Quý	Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận		X	X		X
2.18	Dự án thành lập mới khu bảo tồn biển Cà Mau	Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau	X		X		X

TT	Tên Dự án	Đơn vị chủ trì	Phân kỳ đầu tư		Nguồn vốn ngân sách địa phương		Nguồn vốn hợp pháp khác
			2021 - 2025	2026 - 2030	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	
2.19	Dự án thành lập mới khu bảo tồn biển Thổ Chu	Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang		X	X		X
2.20	Dự án thành lập mới khu bảo tồn biển Nam Du - Hòn Sơn			X	X		X
2.21	Dự án thành lập mới khu bảo tồn biển Hải Tặc			X	X		X
3	Nhóm dự án đầu tư cơ sở hạ tầng cho các khu bảo tồn biển, bao gồm:						
3.1	Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng khu bảo tồn biển Cô Tô - Đảo Trần	Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh		X		X	X
3.2	Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng khu bảo tồn biển Bái Tử Long			X		X	X
3.3	Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng khu bảo tồn biển Vịnh Hạ Long			X		X	X
3.4	Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng khu bảo tồn biển Bạch Long Vỹ	Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng		X		X	X
3.5	Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng khu bảo tồn biển Cát Bà - Long Châu			X		X	X
3.6	Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng khu bảo tồn biển gò, đồi ngầm Quảng Bình	Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình		X		X	X

TT	Tên Dự án	Đơn vị chủ trì	Phân kỳ đầu tư		Nguồn vốn ngân sách địa phương		Nguồn vốn hợp pháp khác
			2021 - 2025	2026 - 2030	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	
3.7	Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng khu bảo tồn biển Vịnh Nha Trang	Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa		X		X	X
3.8	Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng khu bảo tồn biển Song Tử			X		X	
3.9	Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng khu bảo tồn biển Nam Yết			X		X	
3.10	Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng khu bảo tồn biển Thuyền Chài			X		X	
3.11	Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng khu bảo tồn biển Núi Chúa	Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận		X		X	X
3.12	Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng khu bảo tồn biển Côn Đảo	Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu		X		X	X
3.13	Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng khu bảo tồn biển Hòn Ngư - Đảo Mắt	Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An		X		X	X
3.14	Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng khu bảo tồn biển Cồn Cỏ	Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị		X		X	X
3.15	Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng khu bảo tồn biển Bắc Hải Vân - Sơn Chà	Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế		X		X	X
3.16	Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng khu bảo tồn biển Sơn Trà	Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng		X		X	X

TT	Tên Dự án	Đơn vị chủ trì	Phân kỳ đầu tư		Nguồn vốn ngân sách địa phương		Nguồn vốn hợp pháp khác
			2021 - 2025	2026 - 2030	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	
3.17	Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng khu bảo tồn biển Cù Lao Chàm	Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam		X		X	X
3.18	Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng khu bảo tồn biển Lý Sơn	Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi		X		X	X
3.19	Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng khu bảo tồn biển Vịnh Quy Nhơn	Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định		X		X	X
3.20	Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng khu bảo tồn biển Vũng Rô	Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên		X		X	X
3.21	Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng khu bảo tồn biển Hòn Cau	Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận		X		X	X
3.22	Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng khu bảo tồn biển Phú Quý			X		X	X
3.23	Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng khu bảo tồn biển Cà Mau	Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau		X		X	X
3.24	Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng khu bảo tồn biển Phú Quốc	Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang		X		X	X
3.25	Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng khu bảo tồn biển Thổ Chu			X		X	X
3.26	Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng khu bảo tồn biển Nam Du - Hòn Sơn			X		X	X
3.27	Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng khu bảo tồn biển Hải Tặc			X		X	X

TT	Tên Dự án	Đơn vị chủ trì	Phân kỳ đầu tư		Nguồn vốn ngân sách địa phương		Nguồn vốn hợp pháp khác
			2021 - 2025	2026 - 2030	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	
4	Nhóm dự án hình thành khu vực cư trú nhân tạo cho các loài thủy sản ở biển Việt Nam, bao gồm:						
4.1	Dự án hình thành khu vực cư trú nhân tạo cho các loài thủy sản vùng biển phía Tây Nam đảo Ngọc Vũng	Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh		X		X	X
4.2	Dự án hình thành khu vực cư trú nhân tạo cho các loài thủy sản vùng biển phía Nam Quần đảo Cát Bà	Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng		X		X	X
4.3	Dự án hình thành khu vực cư trú nhân tạo cho các loài thủy sản vùng biển phía Tây Nam Quần đảo Long Châu			X		X	X
4.4	Dự án hình thành khu vực cư trú nhân tạo cho các loài thủy sản ven bờ Tiền Hải	Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình		X		X	X
4.5	Dự án hình thành khu vực cư trú nhân tạo cho các loài thủy sản ven bờ Quảng Xương	Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa		X		X	X
4.6	Dự án hình thành khu vực cư trú nhân tạo cho các loài thủy sản ven bờ Đông Bắc Mũi Gà	Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An		X		X	X

TT	Tên Dự án	Đơn vị chủ trì	Phân kỳ đầu tư		Nguồn vốn ngân sách địa phương		Nguồn vốn hợp pháp khác
			2021 - 2025	2026 - 2030	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	
4.7	Dự án hình thành khu vực cư trú nhân tạo cho các loài thủy sản ven bờ Kỳ Anh	Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh	X				X
4.8	Dự án hình thành khu vực cư trú nhân tạo cho các loài thủy sản ven bờ Nghi Xuân			X		X	X
4.9	Dự án hình thành khu vực cư trú nhân tạo cho các loài thủy sản ven bờ Lệ Thủy	Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình	X				X
4.10	Dự án hình thành khu vực cư trú nhân tạo cho các loài thủy sản ven bờ Quảng Trạch			X			X
4.11	Dự án hình thành khu vực cư trú nhân tạo cho các loài thủy sản ven bờ Cửa Việt	Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị	X				X
4.12	Dự án hình thành khu vực cư trú nhân tạo cho các loài thủy sản ven bờ Phú Lộc	Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế	X				X
4.13	Dự án hình thành khu vực cư trú nhân tạo cho các loài thủy sản ven bờ Phú Vang			X			
4.14	Dự án hình thành khu vực cư trú nhân tạo cho các loài thủy sản ven bờ vịnh Lăng Cô				X		X
4.15	Dự án hình thành khu vực cư trú nhân tạo cho các loài thủy sản ven bờ Ngũ Hành Sơn	Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng		X		X	X

TT	Tên Dự án	Đơn vị chủ trì	Phân kỳ đầu tư		Nguồn vốn ngân sách địa phương		Nguồn vốn hợp pháp khác
			2021 - 2025	2026 - 2030	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	
4.16	Dự án hình thành khu vực cư trú nhân tạo cho các loài thủy sản ven bờ phía Tây Bắc Hòn Khô	Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam		X		X	X
4.17	Dự án hình thành khu vực cư trú nhân tạo cho các loài thủy sản ven bờ Thăng Bình			X		X	X
4.18	Dự án hình thành khu vực cư trú nhân tạo cho các loài thủy sản ven bờ mũi Bàn Than			X		X	X
4.19	Dự án hình thành khu vực cư trú nhân tạo cho các loài thủy sản ven bờ Phù Cát	Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định		X		X	X
4.20	Dự án hình thành khu vực cư trú nhân tạo cho các loài thủy sản ven bờ Xuyên Mộc	Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu		X		X	X
4.21	Dự án hình thành khu vực cư trú nhân tạo cho các loài thủy sản ven bờ Đông Nam mũi Nghinh Phong			X		X	X
4.22	Dự án hình thành khu vực cư trú nhân tạo cho các loài thủy sản ven bờ Vĩnh Châu	Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng		X		X	X
4.23	Dự án hình thành khu vực cư trú nhân tạo cho các loài thủy sản vùng bờ khu vực Nhà Mát	Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu		X		X	X

TT	Tên Dự án	Đơn vị chủ trì	Phân kỳ đầu tư		Nguồn vốn ngân sách địa phương		Nguồn vốn hợp pháp khác
			2021 - 2025	2026 - 2030	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	
4.24	Dự án hình thành khu vực cư trú nhân tạo cho các loài thủy sản ven bờ phía Đông Hòn Khoai	Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau		X		X	X
4.25	Dự án hình thành khu vực cư trú nhân tạo cho các loài thủy sản ven bờ phía Tây Bắc Mũi Cà Mau			X		X	X
4.26	Dự án hình thành khu vực cư trú nhân tạo cho các loài thủy sản vùng biển Khánh Bình Tây, Khánh Bình Tây Bắc			X		X	X
4.27	Dự án hình thành khu vực cư trú nhân tạo cho các loài thủy sản ven bờ vịnh Cây Dương	Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang		X		X	X